TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hậu - Ông Lê Trung Nam

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Ngọc –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 503/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026,giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Bà Nguyễn Đặng Quỳnh A, sinh ngày 11/9/1993; Số CCCD: 077193010964 cấp ngày 30/6/2022

Địa chỉ: Tổ I, khu phố L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Đại Đình H, sinh ngày 23/8/1989; Số CCCD: 068089004223 cấp ngày 12/8/2021

Địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt,có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Đặng Quỳnh A1 bày:

Bà Nguyễn Đặng Quỳnh A và ông Đỗ Đại Đình H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại tại UBND phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2018 ngày 08/11/2018.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể

cùng nhau quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Vì vậy, nay bà Quỳnh A2 cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H.

+ Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Đỗ Nguyên Hạ B, sinh ngày 30/10/2020 và Đỗ Ngọc Khánh A3, sinh ngày 24/02/2023. Sau ly hôn, bà Quỳnh A đề nghị giao cháu A3 cho bà Nguyễn Đặng Quỳnh A và giao cháu B cho ông Đỗ Đại Đình H1 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo bản tự khai ngày 20/01/2026, bị đơn ông Đỗ Đại Đình H2 bày:*

Ông Đỗ Đại Đình H3 bà Nguyễn Đặng Quỳnh A4 sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 08/11/2018. Vợ chồng chung sống với nhau được hai năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2022 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Quỳnh A.

+ Về con chung: Bà Nguyễn Đặng Quỳnh A và ông Đỗ Đại Đình H có 02 con chung tên Đỗ Nguyên Hạ B, sinh ngày 30/10/2020 và Đỗ Ngọc Khánh A3, sinh ngày 24/02/2023. Sau ly hôn, ông H đồng ý giao cháu A3 cho bà Quỳnh A và giao cháu B cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời ông Đỗ Đại Đình H4 vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên tòa của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật*:Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về sự vắng mặt của đương sự*: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Đặng Quỳnh A và ông Đỗ Đại Đình H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:*Bà Nguyễn Đặng Quỳnh A và ông Đỗ Đại Đình H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh)theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2018 ngày 08/11/2018, nên quan hệ hôn nhân của ông bà được xác định là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo các chứng cứ có trong hồ sơ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H, bà Quỳnh A là có thật và bắt nguồn từ việc cả hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong tính tình, không quan tâm, chia sẻ với nhau. Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H6 đến Tòa án làm việc, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng thời có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và có ý kiến đồng ý ly hôn với bà Quỳnh A. Mặt khác bà Quỳnh A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Quỳnh A, ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, để chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Quỳnh A.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Bà Nguyễn Đặng Quỳnh A vàông Đỗ Đại Đình H có 02 con chung tên Đỗ Nguyên Hạ B, sinh ngày 30/10/2020 và Đỗ Ngọc Khánh A3, sinh ngày 24/02/2023.

Xét thấy bà Quỳnh A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A5 giao cháu B cho ông H. Ông H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và đồng ý giao cháu A3 cho bà Quỳnh A nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn giao cháu Đỗ Ngọc K Ancho bà Nguyễn Đặng Quỳnh A6 giao cháu Đỗ Nguyên H5 Băngcho ông Đỗ Đại Đình H1 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Đặng Quỳnh A vàông Đỗ Đại Đình H không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Đặng Quỳnh A vàông Đỗ Đại Đình H6 yêu cầu nên Toà án không xem xét,giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Đặng Quỳnh A7 nộp án phí hôn nhân gia đình số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Đặng Quỳnh A đối với ông Đỗ Đại Đình H7 việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Đặng Quỳnh A được ly hôn với ông Đỗ Đại Đình H.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Đặng Quỳnh A và ông Đỗ Đại Đình H8 02

con chung tên Đỗ Nguyên Hạ B, sinh ngày 30/10/2020 và Đỗ Ngọc Khánh A3, sinh ngày 24/02/2023.

Sau ly hôn, giao cháu Đỗ Nguyên H5 Băngcho ông Đỗ Đại Đình H3 giao cháu Đỗ Ngọc Khánh A3 cho bà Nguyễn Đặng Quỳnh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi concó quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Đặng Quỳnh A và ông Đỗ Đại Đình H6 yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Đặng Quỳnh A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 47956 ngày 10/12/2025của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Quỳnh A8 nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minhxét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai)./.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 12 – TP. HCM;
- Phòng THADS Khu vực 12 – TP. HCM;
- UBND phường Tân Phước, TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Thường